

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-PT

Ngày 13-12-2022

“*V/v chia tài sản chung và nợ chung sau
khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “*Chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn*”. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 14, xã T3, huyện C, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà H3 Thị S - Luật sư tại chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Khánh Linh và cộng sự; Địa chỉ: 06 Ngô Quyền, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn D, Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Đặng Dur và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Ninh Bình. Địa chỉ: Số nhà 150, đường Lê Thái Tổ, phố Vi, phường N, thành phố N1, tỉnh Ninh Bình – có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trịnh Quang H1;

Địa chỉ: Thôn 9, xã T2, huyện C, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H;

Địa chỉ: Bon U1, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

3. Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nơ Trang Long, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Ngọc Thảo, c/v: Nhân viên phòng kế hoạch Kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nơ Trang Long, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Số 57 Nơ Trang Long, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội;

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội – ông Phạm Xuân Thành. c/v: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cư Jút; Địa chỉ: Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị G;

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

6. Chị Trương Thị T1;

Địa chỉ: Tồ 4, khu phố 3, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Chị H và anh T là vợ chồng, tuy nhiên trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên vào năm 2013 anh chị đã ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống chị H và anh T tạo lập được khối tài sản chung và chị H yêu cầu Tòa án giải Q như sau:

Về tài sản chung: Chị H yêu cầu Tòa án chia $\frac{1}{2}$ giá trị đối với: thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 23 diện tích 1100m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút cấp GCNQSDĐ mang tên hộ Trương Văn T và các tài sản gắn liền trên đất trên thửa đất; chia các thửa đất ruộng thuộc tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích 1530 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN0921554 ngày 12/8/2008 của UBND huyện Cư Jút và phần diện tích đất ruộng (LUC) 354,5 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông và chia vật dụng gia đình, tài sản khác gồm: 01 ti vi nhãn hiệu Samsung 21inch màn hình lồi, 01 tủ lạnh, 01 tủ tường, 02 tủ đựng quần áo, 01 cặp lục bình, 01 dàn amply + loa karaoke, 01 bộ bàn ghế gỗ, 02 xe mô tô (01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius và 01 xe mô tô nhãn hiệu DH), 01 xe cày cang cần đẩy tay lái bộ lạng, 01 bếp ga, 03 con heo nái và 01 bầy heo con cùng chuồng trại chăn nuôi và điện nước.

Về nợ chung: Chị H xác định các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nơ Trang Long, tỉnh Đắk Lắk số tiền 130.000.000 đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội 58.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị G số tiền 60.000.000 đồng; nợ vợ chồng chị Trương Thị T1 số tiền 20.000.000 đồng; nợ anh Trịnh Quang H1 số tiền 6.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị H 3.500.000 đồng; nợ Hội phụ nữ (xóm) Ninh Bình số tiền 4.000.000 đồng; nợ vợ chồng chị T4, anh Q số tiền 50.000.000 đồng; nợ anh Phạm Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng; nợ anh Trịnh Danh H3 số tiền 8.000.000 đồng. Yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án chị H rút một phần yêu cầu chia những vật dụng gia đình và số tài sản khác nêu trên.

Bị đơn anh Trương Văn T trình bày: Anh thừa nhận quá trình chung sống anh và chị H có những tài sản chung và nợ chung như chị H trình bày. Tuy nhiên, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H. Vì cho rằng toàn bộ tài sản chung và nợ chung giữa anh T và chị H đã tự nguyện thỏa thuận chia vào ngày 07/8/2013 được thể hiện bằng văn bản “giấy ủy quyền” và “giấy cho tặng”. Theo nội dung hai văn bản thuận phân này thì anh được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 23, diện tích 1100m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút cấp GCNQSDĐ mang tên hộ Trương Văn T, trên đất có nhà, cây trồng lâu năm và vật dụng trong gia đình và anh chịu trách nhiệm trả các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nơ Trang Long, tỉnh Đắk Lắk số tiền 130.000.000 đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội 58.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị G số tiền 60.000.000 đồng; nợ vợ chồng chị Trương Thị T1 số tiền 20.000.000 đồng; nợ anh Trịnh Quang H1 số tiền 6.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị H 3.500.000 đồng; nợ Hội phụ nữ (xóm) Ninh Bình số tiền 4.000.000 đồng; nợ vợ chồng chị T4, anh Q số tiền 50.000.000 đồng; nợ anh Phạm Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng; nợ anh Trịnh Danh H3 số tiền 8.000.000 đồng. Chị H được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất ruộng (LUC) số 173, 176, 177, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích 1530 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN0921554 ngày 12/8/2008 của UBND huyện Cư Jút và phần diện tích đất ruộng (LUC) 354,5 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Do vậy, anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo nội dung hai bên đã thỏa thuận ngày 07/8/2013.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Quang H1 trình bày: Nay anh T, chị H yêu cầu chia tài sản chung anh có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc anh T, chị H có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 6.000.000 đồng là số tiền nợ cầm heo vào năm 2013.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước năm 2013 bà H có bán cầm thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh T, chị H còn nợ số tiền 3.500.000 đồng, nay anh chị có đơn yêu cầu chia tài sản chung, bà H có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc anh T, chị H có trách nhiệm trả cho bà Toàn bộ số tiền gốc 3.500.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 20/02/2013, ông Trương Văn T và bà Lương Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số 5217LAV201300261 với Ngân hàng phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Nơ Trang Long, bắc Đắk Lắk vay số tiền 130.000.000 đồng, Ngày 26/5/2014 ông Trương Văn T đã nộp để tất toán hợp đồng tín dụng số 5217LAV201300261 ký ngày 20/02/2013 với số tiền 137.718.750 đồng, trong đó tiền gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi 7.718.750 đồng.

Ngày 09/05/2019, ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Thương đã ký hợp đồng tín dụng số 5217LAV20190023 với Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay 11%/năm, thời hạn vay 5 năm. Hiện nay dư nợ của ông Trương Văn T theo hợp đồng tín dụng số 5217LAV20190023 còn 48.000.000 đồng, khách hàng chưa vi phạm hợp đồng tín dụng. Nên quan điểm của Ngân hàng là chưa có ý kiến gì trong vụ án, không yêu cầu độc lập trong vụ án vì khách

hàng chưa vi phạm hợp đồng. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin giải quyết vắng mặt và xét xử vắng mặt trong vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày: Tính đến ngày 14/8/2018, ông T đã T toán toàn bộ khoản vay và Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày:

Năm 2013 bà cho vợ chồng anh T, chị H vay số tiền 60.000.000 đồng để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, khi vay các bên thỏa thuận tiền lãi hàng tháng là 1.800.000đ/tháng (tương ứng với lãi suất 3%/tháng), những tháng đầu chị H là người trực tiếp mang tiền lãi hàng tháng trả cho bà. Sau thời điểm anh T, chị H ly hôn (tháng 9 năm 2013) thì anh T là người trực tiếp trả tiền lãi hàng tháng cho bà. Hiện nay anh T, chị H yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ thì bà G yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên cho bà G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị T1 trình bày:

Khoảng tháng 3 năm 2013 chị T1 có cho chị Lương Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Kể từ thời điểm vay thì anh T là người trực tiếp trả tiền lãi cho chị. Hiện nay anh T, chị H yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ thì chị T1 yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng, chị không yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền này.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H.

1.1. Chia cho anh Trương Văn T được quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 23 diện tích 1100 m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút cấp GCNQSDĐ mang tên hộ Trương Văn T, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 412837 ngày 10/12/2003 đất tọa lạc tại xã Nam Dong, huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông và các tài sản gắn liền trên thửa đất. (Đặc điểm diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất được xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2021).

1.2. Chia cho chị Lương Thị H toàn quyền sở hữu và sử dụng các thửa đất ruộng (LUC) số 173, 176, 177, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích 1530 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN0921554 ngày 12/8/2008 của UBND huyện Cư Jút và phần diện tích đất ruộng (LUC) 354,5 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. (Đặc điểm diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất được xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2021, theo kết quả đo đạc bằng máy thửa đất).

1.3. Buộc anh Trương Văn T có nghĩa vụ T toán cho chị Lương Thị H số tiền chênh lệch là 670.240.000 đồng (làm tròn số).

2. Buộc anh Trương Văn T và chị Lương Thị H, mỗi người có nghĩa vụ trả ½ tiền nợ chung gồm: Trả cho anh Trịnh Quang HI là 6.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị H 3.500.000 đồng, chị Trương Thị T1 20.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị G 60.000.000 đồng tiền gốc).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị H đã rút.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2022, bị đơn anh Trương Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp các chứng cứ (có xác nhận của chủ nợ) chứng minh đã trả hết các khoản nợ chung theo thỏa thuận ngày 07/8/2013 giữa các bên và các khoản nợ theo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm sau khi nghe HĐXX giải thích và hòa giải thì nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo nội dung các bên đã thỏa thuận ngày 07/8/2013 và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trương Văn T làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ thể hiện trước khi chị H và anh T ly hôn thì ngày 07/8/2013 giữa anh Trương Văn T và chị Lương Thị H có lập hai văn bản thỏa thuận có nội dung chia tài sản tài sản chung và nợ chung như sau:

- Đối với văn bản “giấy ủy quyền” đề ngày 07/8/2013 có nội dung: “Mảnh đất có thổ cư có bìa đỏ mang tên Trương Văn T người thừa kế là Lương Thị H số 42837, CN 10/12/2003. Đất thổ cư cùng nhà và tài sản diện tích là 1100 m² (một ngàn một trăm m²)

Mặt đường 10 m² một căn nhà xây cấp 4, gồm hai phòng ngủ + 1 gian phòng khách ngang 5m + dài 10 m² + mảnh đất hiện có 150 trụ tiêu đang cho thu hoạch + với tài sản trong nhà bao gồm. 01 ti vi + tủ lạnh + tủ tường + 2 tủ đựng quần áo + 1 cặp lục bình + 01 giàn âm ly loa karaoke, 01 bàn ghế gỗ + 02 xe máy + 01 xe cày cày, cầu đẩy, bộ lăng 01 bếp ga và vật dụng gia đình khác + 03 heo nái và 01 bầy

heo con cùng trang trại chăn nuôi + điện nước và khoản nợ chung gồm: 01, ngân hàng chính sách nhà nước 58.000.000 (năm mươi tám triệu đồng); 2, ngân hàng nhà nước 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu đồng); 03, Hội phụ nữ Ninh Bình 4.000.000 (bốn triệu đồng); 04, Bà G 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng); 05, chị T4 Quyết 50.000.000 (năm mươi triệu đồng); 06, T1 Đức 20.000.000 (hai mươi triệu đồng); 07, H3 Là 8.000.000 (tám triệu đồng); 08, anh H1 6.000.000 (sáu triệu đồng); 09, bác H 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn đồng); 10, a Đ 10.000.000 (mười triệu đồng). Tất cả số nợ trên anh Trương Văn T phải trả tôi không chịu trách nhiệm vì anh hoàn toàn sở hữu tài sản trên”.

- Đối với văn bản “giấy cho tặng” đề ngày 07/8/2013 có nội dung: “mảnh ruộng cấy lúa có diện tích 2000 m². Giao cho cô Lương Thị H toàn quyền sử dụng mảnh đất này ...Nếu có tranh chấp hoặc sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích, phân tích theo quy định của pháp luật các đương sự đều thừa nhận ngày 07/8/2013 đã tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là đúng bản chất và ý chí của các bên nhưng do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đã lập hai văn bản nêu trên là không đúng ý chí của các bên. Lý do, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản là do một phần nhận thức pháp luật và do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn. Mặt khác, với hình thức và nội dung của hai văn bản nêu trên các bên không thể làm thủ tục đăng ký sang tên tài sản riêng như đã thỏa thuận chia theo quy định của pháp luật. Do vậy, các đương sự thống nhất và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện chia tài sản và nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo nội dung thỏa thuận ngày 07/8/2013 theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Xét quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3]. Đối với việc tại phiên tòa anh Trương Văn T đồng ý hỗ trợ cho chị Lương Thị H số tiền là 220.000.000 đồng để chị H và các con trang trải cuộc sống và cam kết giao tiền cho chị H vào ngày 13/03/2023 (dương lịch) và chị H chấp nhận là tự nguyện và phù hợp nên cần ghi nhận. Trường hợp anh T không thực hiện đúng cam kết thì chị H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo hướng ghi nhận theo nội dung các bên đã tự thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vào ngày 07/8/2013 như nêu trên.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên Anh Trương Văn T và Chị Lương Thị H mỗi người phải chịu 13.690.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản. Chị Lương Thị H đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền 27.380.000 đồng nên anh Trương Văn T phải có nghĩa vụ T toán lại cho chị Lương Thị H số tiền 13.690.000 đồng.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Anh Trương Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trương Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;** Điều 38; Điều 39 Luật hôn nhân & gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Trương Văn T và chị Lương Thị H tự nguyện chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân theo văn bản đề ngày 07/8/2013, cụ thể:

1.1. Anh Trương Văn T được quyền sở hữu, sử dụng đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 23, diện tích 1100 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 877577 đứng tên hộ Trương Văn T đã được Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút cấp ngày 10/12/2003, đất tọa lạc tại xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông và tài sản gắn liền trên thửa đất.

1.2. Chị Lương Thị H được quyền sở hữu, sử dụng các thửa đất ruộng (LUC) số 173, 176, 177, tờ bản đồ số 01, có tổng diện tích 1530 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN092154 đứng tên hộ ông Trương Văn T và bà Lương Thị H, UBND huyện Cư Jút cấp ngày 12/8/2008 và phần diện tích đất ruộng (LUC) 354,5 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

1.3 Về nợ chung: Anh Trương Văn T chịu trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nơ Trang Long, tỉnh Đắk Lắk số tiền 130.000.000 đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội 58.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị G số tiền 60.000.000 đồng; nợ vợ chồng chị Trương Thị T1 số tiền 20.000.000 đồng; nợ anh Trịnh Quang H1 số tiền 6.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị H 3.500.000 đồng; nợ Hội phụ nữ (xóm) Ninh Bình số tiền 4.000.000 đồng; nợ vợ chồng chị T4, anh Quyết số tiền 50.000.000 đồng; nợ anh Phạm Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng; nợ anh Trịnh Danh H3 số tiền 8.000.000 đồng.

Anh Trương Văn T xác định và cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả xong các khoản nợ chung.

2. Ghi nhận Anh Trương Văn T tự nguyện hỗ trợ cho chị Lương Thị H số tiền 220.000.000 đồng để chị H và các con trang trải cuộc sống. Thời hạn giao đủ số tiền cho chị Lương Thị H vào ngày 13/3/2023. Trường hợp, đến hạn giao tiền mà anh T không thực hiện thì chị H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện của chị Lương Thị H yêu cầu chia: 01 ti vi nhãn hiệu Samsung 21inch màn hình lồi, 01 tủ lạnh, 01 tủ tường, 02 tủ đựng quần áo, 01 cặp lục bình, 01 dàn amply + loa karaoke, 01 bộ bàn ghế gỗ,

02 xe mô tô (01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius và 01 xe mô tô nhãn hiệu DH), 01 xe cày cang cần đẩy tay lái bê lãng, 01 bếp ga, 03 con heo nái và 01 bầy heo con cùng chuồng trại chăn nuôi và điện nước.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc Anh Trương Văn T và Chị Lương Thị H mỗi người phải chịu 13.690.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản. Chị Lương Thị H đã nộp toàn bộ số tiền 27.380.000 đồng nên anh Trương Văn T phải có nghĩa vụ T toán lại cho chị Lương Thị H số tiền 13.690.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

Anh Trương Văn T đồng ý nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Trả lại cho anh Trịnh Quang H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0003233 ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trương Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số: 0003938 ngày 22/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Anh Ứng